TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà vắng mặt: Anh Đ; chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2023, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/3/1997 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2012 thì xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không chịu tu chí ăn làm, không quan tâm trách nhiệm tới vợ con. Anh Đ còn hay uống rượu xong rồi đánh, chửi, đuổi vợ con. Chị T không chịu đựng được phải đưa các con đi ở nhờ nhà em họ chị T nhưng anh Đ vẫn thường

xuyên đến đánh, chửi, đuổi và có những lời lẽ không hay đe dọa, xúc phạm chị T. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin được ly hôn anh Đ.

Anh Đỗ Văn Đ là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không tham gia tố tụng, vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 04 con chung:

+ Cháu Đỗ Kim Oanh, sinh năm 1999 và cháu Đỗ Thị Lan Anh, sinh năm 2004, đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Chị T và anh Đ không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Cháu Đỗ Ngọc Ánh, sinh năm 2010 (đã chết năm 2017).

+ Cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2013, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Q có lời khai xin được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đ vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị T và anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ Minh Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn (anh Đỗ Văn Đ), nhưng anh Đ không tham gia tố tụng, vắng mặt tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập, gây cản trở quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Toà án, nhiều lần

vắng mặt tại phiên toà; chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh Đ không chịu tu chí ăn làm, không quan tâm trách nhiệm tới vợ con, còn hay uống rượu xong rồi đánh, chửi, đuổi vợ con. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay; theo kết quả xác minh tại UBND xã H và ý kiến của bố đẻ anh Đ (ông Đỗ Văn Tâm) xác định quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ hay uống rượu xong rồi đánh chửi chị T. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Từ đó đến nay gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải, động viên nhiều nhưng không có kết quả. Tại buổi hòa giải do UBND xã H tổ chức ngày 20/12/2022, chị T và anh Đ đều đồng thuận đề nghị giải quyết được ly hôn. Nay chị T khởi kiện ly hôn, anh Đ đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 04 con chung:

- Cháu Đỗ Kim Oanh, sinh năm 1999 và cháu Đỗ Thị Lan Anh, sinh năm 2004, đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Cháu Đỗ Ngọc Ánh, sinh năm 2010 (đã chết năm 2017).

- Cháu Đỗ Minh Q hiện dưới 18 tuổi đang do chị T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cố tình vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Q. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi cháu Q của chị T là chính đáng và thực tế từ trước đến nay chị T là người trực tiếp nuôi cháu Q, điều kiện cuộc sống của cháu được đảm bảo, ổn định và cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với chị T, vì vậy nên giao cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2013, cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số: AA/2021/0002318 ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã H, huyện Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam